

SỰ KHÁC BIỆT TRONG QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TÀI SẢN MÃ HÓA TRONG TƯƠNG LAI CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

NGUYỄN MINH CHÂU¹ - NGUYỄN HỒNG SƠN²

¹Giảng viên Trường Đại học An Giang, An Giang, Việt Nam

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Lecturer, An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

²Cử nhân Kinh tế, cựu sinh viên ngành Kinh tế Quốc tế, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh,
Trường Đại học An Giang, An Giang, Việt Nam

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Alumnus of the International Economics Program, Faculty of Economics and Business
Administration, An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Ngày nhận bài: 5/6/2026

Ngày sửa bài: 22/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 6/7/2026

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng cũng như xem xét sự khác biệt trong ý định đầu tư tài sản mã hóa (TSMH) trong tương lai của sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cả 3 yếu tố: (1) số năm học đại học; (2) mức độ nhận thức pháp lý; (3) kinh nghiệm đầu tư đều có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê lên ý định đầu tư trong tương lai của sinh viên, đồng thời có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê. Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ các yếu tố quyết định ý định đầu tư TSMH của sinh viên, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm nhằm hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng các chương trình nâng cao hiểu biết về tài chính và nhận thức pháp lý phù hợp.

Từ khóa: tài sản mã hóa, ý định đầu tư, sinh viên, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang.

Differences in students' future crypto-asset investment intentions: A study at An Giang University

Abstract:

This study examines the factors influencing students' future intentions to invest in crypto assets and differences in investment intentions among students of the Faculty of Economics and Business Administration, An Giang University. Data were collected from 310 students through convenience sampling and analyzed using descriptive statistics, multiple regression, one-way analysis of variance, and independent-samples t-tests. The findings indicate that year of university study, legal awareness of crypto assets, and previous investment experience positively and significantly affect future investment intentions. Statistically significant differences were also identified among student groups classified according to these factors. The results provide empirical evidence for policymakers and educational institutions seeking to develop appropriate financial literacy, investment-risk awareness, and crypto-asset legal education programs for university students.

Keywords: crypto assets, investment intention, students, Faculty of Economics and Business Administration, An Giang University.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ chuỗi khối (blockchain) đã tạo ra những thay đổi căn bản trong lĩnh vực tài chính, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển của tài sản mã hóa trên phạm vi toàn cầu (Yli-Huomo et al., 2016; Zhao et al., 2016). Kể từ khi Bitcoin ra đời vào năm 2009, thị trường TSMH đã phát triển nhanh chóng. Đến năm 2025, số lượng người sở hữu TSMH trên toàn cầu ước đạt khoảng 650-660 triệu người, phản ánh mức độ phổ biến ngày càng tăng của loại tài sản này (Triple-A, 2025).

Tại Việt Nam, sự hiện diện của TSMH không còn dừng lại ở mức độ tự phát mà đã chuyển dịch sang giai đoạn thể chế hóa. Đặc biệt, Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ lần đầu tiên định nghĩa TSMH là một loại tài sản sử dụng công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự để xác thực trong quá trình tạo lập, phát hành, lưu trữ và chuyển giao; đồng thời quy định TSMH không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và các tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật (Chính phủ, 2025, Điều 3, khoản 2).

Bên cạnh khung pháp lý dần hoàn thiện, Việt Nam hiện được đánh giá là một trong những thị trường có số lượng nhà đầu tư tham gia lớn. Tuy nhiên, sự phổ biến này đặt ra một vấn đề nghiên cứu cấp thiết: Liệu có sự khác biệt về hành vi đầu tư giữa các nhóm đối tượng khác nhau hay không? Cụ thể, các biến số về số năm học đại học, kinh nghiệm đầu tư trong quá khứ và mức độ am hiểu khung pháp lý mới sẽ tác động như thế nào đến ý định đầu tư TSMH của sinh viên khối ngành kinh tế, những người vốn được trang bị kiến thức tài chính nền tảng nhưng lại thường xuyên đối mặt với các trào lưu số? Nghiên cứu này được thực hiện nhằm giải mã sự phân hóa trong ý định đầu tư TSMH của sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang. Từ đó cung cấp các luận cứ thực nghiệm quan trọng cho việc định hướng hành vi đầu tư an toàn và hiệu quả cho sinh viên trong kỷ nguyên tài chính số tại Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các biến được dùng trong mô hình phân tích các yếu tố tác động cũng như sự khác biệt trong ý định đầu tư TSMH của sinh viên như sau:

- Các biến độc lập bao gồm: (1) số năm học đại học; (2) mức độ nhận thức pháp lý - được thể hiện qua sinh viên đã biết rõ hay có nghe nói đến hay thậm chí chưa từng biết rằng Việt Nam đã có các văn bản pháp lý liên quan đến TSMH; và (3) kinh nghiệm đầu tư - được thể hiện qua sinh viên trước đây đã từng hay chưa từng đầu tư TSMH.

- Biến phụ thuộc là ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, khảo sát 310 sinh viên đang theo học tại Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang. Kết quả khảo sát được dùng để phân tích thống kê mô tả để khám phá sự phân bố giá trị của một số biến trong mô hình phân tích, tiếp theo nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến để xem xét mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đề xuất lên ý định đầu tư và cuối cùng nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định phương sai (One-Way ANOVA) và kiểm định thống kê hai mẫu độc lập (Independent-Samples T-Test) để kiểm định sự khác biệt trong ý định đầu tư TSMH của các nhóm yếu tố được đề xuất.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tác động của một số yếu tố lên quyết định đầu tư tài sản mã hóa của sinh viên Trường Đại học An Giang

3.1.1. Mô tả mẫu khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ sinh viên nữ trả lời khảo sát chiếm 73%, áp đảo hơn so với tỷ lệ sinh viên nam trả lời khảo sát. Trong đó, sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 tham gia khảo sát chiếm khoảng 61% trong tổng số sinh viên trả lời khảo sát. Trong đó, sinh viên năm thứ 3 có tỷ lệ cao nhất trong 04 khóa sinh viên trả lời khảo sát, với tỷ lệ là 35,5%.

Đa số sinh viên tham gia khảo sát chưa từng tham gia đầu tư TSMH, chiếm hơn 81% sinh viên khảo sát trả lời. Có khoảng 18,7% đã từng đầu tư TSMH đây là con số đáng quan tâm, khi mà TSMH còn khá mới mẻ trên thị trường tài chính Việt Nam.

Một kết quả khảo sát cho thấy trên 78% sinh viên trả lời là có nghe nói đến văn bản pháp luật quy định về TSMH, trong đó có 6,8% trả lời rằng học biết rõ về TSMH. Kết quả này cho thấy đa số sinh viên đã có quan tâm tìm hiểu về loại tài sản này.

Bảng 1. Mô tả kết quả khảo sát biến ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên

Giá trị	Tần suất (n)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ % cộng dồn (%)
1,00	1	0,3	0,3
1,75	5	1,6	1,9
2,00	10	3,2	5,2
2,25	12	3,9	9,0
2,50	18	5,8	14,8
2,75	16	5,2	20,0
3,00	54	17,4	37,4
3,25	40	12,9	50,3
3,50	39	12,6	62,9
3,75	35	11,3	74,2
4,00	35	11,3	85,5
4,25	19	6,1	91,6
4,50	16	5,2	96,8
4,75	4	1,3	98,1
5,00	6	1,9	100,0
Tổng cộng	310	100,0	

Nguồn: Kết quả khảo sát sinh viên, năm 2026

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, trên 62% sinh viên trả lời là có ý định đầu tư TSMH trong tương lai. Trong đó, có khoảng 5% sinh viên trả lời có ý đầu tư TSMH trong tương lai ở mức rất cao.

3.1.2. Tác động của một số yếu tố lên quyết định đầu tư tài sản mã hóa của sinh viên Trường Đại học An Giang

Kết quả phân tích hồi quy đa biến ở Bảng 2a cho thấy, có khoảng 13% sự thay đổi trong quyết định đầu tư là do sự thay đổi của các yếu tố gồm: số năm học đại học, mức độ nhận thức pháp lý và kinh nghiệm đầu tư. Điều này cho thấy có các yếu tố ngoài mô hình phân tích này giải thích 87% sự thay đổi của yếu tố ý định đầu tư trong tương lai của sinh viên. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyễn (2026) cho thấy, sự thay đổi của 3 nhân tố chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi và thái độ giải thích đến 55,5% sự thay đổi của ý định đầu tư TSMH (IUC) trong tương lai của sinh viên. Đồng thời, cả ba yếu tố trên đều có tác động theo chiều hướng tích cực đến ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên khối ngành Kinh tế với mức ý nghĩa thống kê là 1%.

Bảng 2a. Kết quả phân tích tác động lên ý định đầu tư tài sản mã hóa - Mô hình tổng quát

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,380 ^a	0,145	0,128	0,66905	1,916
a. Predictors: (Constant), DadautuDum, Nam3Dum, ConghenoiDum, Nam2Dum, DabietDum, Nam4Dum					
b. Dependent Variable: IUC					

Bảng 2b. Kết quả phân tích tác động lên ý định đầu tư tài sản mã hóa - Mô hình cụ thể

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	2,791	0,116		24,000	0,000		
	ConghenoiDum	0,210	0,097	0,131	2,156	0,032	0,764	1,309
	DabietDum	0,732	0,179	0,257	4,085	0,000	0,712	1,405
	Nam2Dum	0,308	0,126	0,182	2,451	0,015	0,512	1,952
	Nam3Dum	0,452	0,118	0,302	3,833	0,000	0,454	2,202
	Nam4Dum	0,429	0,125	0,263	3,439	0,001	0,481	2,078
	DadautuDum	0,219	0,102	0,119	2,136	0,033	0,906	1,103
a. Dependent Variable: IUC								

Nguồn: Kết quả khảo sát sinh viên, năm 2026

Bên cạnh đó, kết quả phân tích ở Bảng 2b cho thấy, cả 3 yếu tố gồm: (1) số năm học đại học; (2) mức độ nhận thức pháp lý; (3) kinh nghiệm đầu tư đều có tác động có ý nghĩa thống kê lên ý định đầu tư của sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang trong tương lai với mức ý nghĩa 5%. Cụ thể là, số năm học đại học của sinh viên có tác động cùng chiều đến ý định đầu tư TSMH trong tương lai. Điều này có thể lý giải rằng số năm học đại học của sinh viên càng cao thì sinh viên sẽ được tích lũy nhiều kiến thức và kỹ năng đầu tư nói chung và đầu tư TSMH nói riêng nên sinh viên mạnh dạn có ý định đầu tư TSMH càng nhiều.

Bảng 2b cũng cho thấy, yếu tố nhận thức pháp lý có tác động cùng chiều đến ý định đầu tư TSMH của sinh viên trong tương lai. Điều này cũng cho thấy sinh viên có quan tâm tìm hiểu về khía cạnh pháp lý của TSMH và khi sinh viên đã hiểu rõ về pháp lý của TSMH thì ý định đầu tư vào tài sản này sẽ càng cao.

Cuối cùng yếu tố kinh nghiệm đầu tư của sinh viên cũng có tác động cùng chiều đến ý định đầu tư trong tương lai (bảng 2b). Sinh viên có kinh nghiệm đầu tư (đã từng đầu tư) TSMH sẽ càng có ý định đầu tư TSMH trong tương lai càng cao. Điều này có thể lý giải rằng khi sinh viên đã có tham gia đầu tư thì sinh viên đã có nhiều thông tin về loại hình đầu tư này như: mức độ rủi ro, chiến lược đầu tư hay khả năng sinh lời của TSMH trong tương lai.

3.2. Sự khác biệt trong quyết định đầu tư tài sản mã hóa của sinh viên khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang

Để xem xét sự khác biệt trong ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên đối với các yếu tố số năm học đại học và yếu tố nhận thức pháp lý của sinh viên, do đây là các biến định tính có nhiều hơn hai giá trị lựa chọn nên nghiên cứu đã sử dụng phương pháp kiểm định phương sai (One-Way ANOVA) để xác định.

3.2.1. Kiểm định sự khác biệt trong ý định đầu tư theo số năm học đại học

Bảng 3. Kiểm định tính đồng nhất phương sai của biến số năm học đại học

Biến phụ thuộc	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Ý định đầu tư (IUC)	1,489	3	306	0,218

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy, giá trị Sig. = 0,218 > 0,05, chứng tỏ phương sai về ý định đầu tư giữa các nhóm sinh viên là đồng nhất. Do đó, điều kiện để phân tích One-Way ANOVA được thỏa mãn và nghiên cứu sử dụng kết quả ở bảng ANOVA tiêu chuẩn.

Bảng 4. Kết quả phân tích One-Way ANOVA của biến số năm học đại học

	Tổng bình phương	df	Trung bình bình phương	F	Sig.
Giữa các nhóm	9,796	3	3,265	6,715	<0,001
Trong nội bộ nhóm	148,795	306	0,486		
Tổng	158,591	309			

Kết quả tại Bảng 4 cho thấy giá trị Sig. < 0,001 < 0,05. Điều này cho phép kết luận rằng có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong ý định đầu tư TSMH giữa các nhóm sinh viên. Kết quả phân tích này cũng có thêm kết quả đã phân tích ở bảng 2b khi cho rằng số năm học đại học càng cao thì ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên càng cao.

3.2.2. Kiểm định sự khác biệt trong ý định đầu tư theo mức độ nhận thức pháp lý

Bảng 5. Kiểm định tính đồng nhất phương sai của biến nhận thức pháp lý

Biến phụ thuộc	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Ý định đầu tư (IUC)	0,421	2	307	0,657

Kết quả Bảng 5 cho thấy giá trị Sig. = 0,657 > 0,05. Điều này chứng tỏ phương sai về ý định đầu tư giữa các nhóm sinh viên có mức nhận thức pháp lý khác nhau là đồng nhất. Do đó, điều kiện để phân tích One-Way ANOVA được thỏa mãn và nghiên cứu sử dụng kết quả ở bảng ANOVA tiêu chuẩn.

Bảng 6. Kết quả phân tích One-Way ANOVA của biến nhận thức pháp lý

	Tổng bình phương	df	Trung bình bình phương	F	Sig.
Giữa các nhóm	13,719	2	6,859	14,536	<0,001
Trong nội bộ nhóm	144,872	307	0,472		
Tổng	158,591	309			

Kết quả kiểm định tại Bảng 6 cho thấy, giá trị Sig. $< 0,001 < 0,05$. Điều này cho phép kết luận có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong ý định đầu tư TSMH giữa các nhóm sinh viên có mức độ nhận thức pháp lý khác nhau.

3.2.3. Kiểm định sự khác biệt trong ý định đầu tư theo kinh nghiệm đầu tư

Bảng 7. Kết quả kiểm định t cho hai mẫu độc lập của biến ý định đầu tư TSMH theo kinh nghiệm đầu tư

	Kiểm định Levene		Kiểm định t			
	F	Sig.	t	df	Sig.	Chênh lệch trung bình
					(2-tailed)	
Phương sai bằng nhau	0,002	0,967	3,479	308	<0,001	0,357
Phương sai không bằng nhau			3,588	88,33	<0,001	0,357

Kết quả từ Bảng 7 cho thấy, kiểm định Levene có giá trị Sig. $= 0,967 > 0,05$, chứng tỏ phương sai giữa hai nhóm (đã tham gia đầu tư và chưa tham gia đầu tư) là đồng nhất. Do đó, nghiên cứu sử dụng kết quả kiểm định t ở dòng "Phương sai bằng nhau". Tại đây, giá trị Sig. (2-tailed) $< 0,001$ (nhỏ hơn rất nhiều so với mức ý nghĩa 0,05). Điều này cho phép kết luận chắc chắn rằng có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về ý định đầu tư TSMH trong tương lai giữa nhóm sinh viên đã từng có kinh nghiệm thực chiến và nhóm chưa từng tham gia đầu tư.

4. Kết luận

Mặc dù chỉ giải thích được một phần sự thay đổi trong ý định đầu tư tài sản mã hóa trong tương lai của sinh viên nhưng cả 3 yếu tố: (1) số năm học đại học; (2) mức độ nhận thức pháp lý; (3) kinh nghiệm đầu tư đều có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê lên ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang.

Nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong ý định đầu tư TSMH trong tương lai của sinh viên theo các yếu tố: (1) số năm học đại học; (2) mức độ nhận thức pháp lý - được thể hiện qua sinh viên đã biết rõ hay có nghe nói đến hay thậm chí chưa từng biết rằng Việt Nam đã có các văn bản pháp lý liên quan đến TSMH; và (3) kinh nghiệm đầu tư - được thể hiện qua sinh viên trước đây đã từng hay chưa từng đầu tư TSMH ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Chính phủ. (2025). Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.
- Nguyễn Hồng Sơn (2026). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đầu tư tài sản mã hóa trong tương lai của sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học An Giang, Khóa luận tốt nghiệp đại học chưa xuất bản. Trường Đại học An Giang.
- Triple-A. (2025). The global state of cryptocurrency ownership 2025. <https://triple-a.io/crypto-ownership>
- Yli-Huumo, J., Ko, D., Choi, S., Park, S., & Smolander, K. (2016). Where is current research on blockchain technology? A systematic review. PLoS ONE, 11(10), e0163477. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0163477>
- Zhao, J. L., Fan, S., & Yan, J. (2016). Overview of business innovations and research opportunities in blockchain and introduction to the special issue. Financial Innovation, 2, Article 28. <https://doi.org/10.1186/s40854-016-0049-2>